

**BỘ TÀI CHÍNH**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: /2016/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

**DỰ THẢO**

## **THÔNG TƯ**

### **QUY ĐỊNH BẢNG GIÁ TÍNH LPTB ĐỐI VỚI CÁC TÀI SẢN KHÁC KHÔNG PHẢI LÀ NHÀ ĐẤT**

*Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 của Quốc hội và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế; Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005;*

*Căn cứ Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;*

*Căn cứ Luật giá số 11/2015/QH13 ngày 20/6/2012;*

*Căn cứ Nghị định số Nghị định số 140/NĐ-CP ngày 10/10/2016 hướng dẫn về lệ phí trước bạ;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;*

*Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định Bảng giá tính LPTB đối với các tài sản khác không phải là nhà đất như sau:*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với các tài sản được quy định tại khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 2 Nghị định số 140/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Cơ quan thực hiện chức năng xây dựng, điều chỉnh và ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với các tài sản quy định tại khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 2 Nghị định số 140/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ.
2. Tổ chức, cá nhân khác là người nộp lệ phí trước bạ.

#### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

- Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, các loại xe tương tự và các vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy là các loại xe được quy định tại khoản 6, khoản 8 Điều 2 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 (sau đây gọi chung là xe máy).
- Xe ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, các loại xe tương tự và các vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy các loại xe được quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 2 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 (sau đây gọi chung là ô tô).
- Giá bán lẻ ô tô, xe máy là giá bán theo thông báo giá của nhà sản xuất lắp ráp ô tô, xe máy, đại lý độc quyền phân phối (đã bao gồm thuế).
- Giá theo trị giá hải quan là trị giá hải quan theo quy định của Luật hải quan.

## **Chương II**

### **BẢNG GIÁ TÍNH LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ**

#### **Điều 4. Phương pháp xây dựng bảng giá tính lệ phí trước bạ**

1. Bảng giá tính lệ phí trước bạ được xây dựng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định số 140/NĐ-CP ngày 10/10/2016 về lệ phí trước bạ để làm căn cứ tính lệ phí trước bạ.

Đối với loại ô tô, xe máy cùng chủng loại nhưng có năm sản xuất trước thời điểm ban hành Bảng giá thì nguyên tắc tính giá được căn cứ vào giá loại phương tiện tại thời điểm Bảng giá ban hành và áp dụng trừ lùi theo tỷ lệ: 5%/2 năm. Cho đến hết 10 năm sản xuất thì dừng tỷ lệ (là 75% giá LPTB so với giá hiện tại).

Ví dụ: giá xe mới theo Bảng giá LPTB toàn quốc (từ 1/1/2017) là 1 tỷ thì xe mới cùng loại sản xuất năm 2011 là 850 tr (=1tỷ -1 tỷ x15%).

2. Bảng giá tính lệ phí trước bạ được xây dựng dựa trên chỉ tiêu nhãn hiệu, tên thương mại hoặc số loại, nước sản xuất, thể tích làm việc, công thức bánh xe, trọng tải (đối với xe tải), số chỗ ngồi của loại phương tiện trên Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường/Giấy chứng nhận kiểu loại do cơ quan đăng kiểm cấp theo danh mục cấu trúc quy định tại Thông tư này.

3. Khi có thay đổi giá bán lẻ hoặc thông báo giá bán lẻ dòng xe ô tô, xe máy cơ sở sản xuất kinh doanh ô tô, xe máy, đại lý phân phối độc quyền cung cấp thông tin về giá bán lẻ các dòng xe ô tô, xe máy theo danh mục cấu trúc (mẫu số 01/DMCT-LPTB) ban hành kèm theo thông tư này để Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) xây dựng, cập nhật Bảng giá.

#### **Điều 5. Bảng giá tính LPTB**

Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư này các Phụ lục Bảng giá tính lệ phí trước bạ, gồm:

1. Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với xe ô tô (Phụ lục I);
2. Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với xe máy (Phụ lục II);

#### **Điều 6. Nguyên tắc điều chỉnh, cập nhật, bổ sung Bảng giá tính lệ phí trước bạ**

Căn cứ thông báo giá của cơ sở sản xuất kinh doanh ô tô, xe máy cung cấp thông tin về giá bán lẻ các dòng xe ô tô, xe máy, giá hoá đơn hợp pháp theo khai báo của người nộp thuế, trị giá tính thuế nhập khẩu theo quy định của Luật hải quan và các loại thuế tại khâu nhập khẩu.

Tổng cục Thuế chủ trì, phối hợp với Tổng cục Hải quan (đối với ô tô, xe máy nhập khẩu) để báo cáo Bộ Tài chính xây dựng giá tính LPTB theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định số 140/NĐ-CP ngày 10/10/2016.

#### **Điều 7: Điều chỉnh, cập nhật, bổ sung Bảng giá tính lệ phí trước bạ**

1. Trường hợp phát sinh ô tô, xe máy mà tại thời điểm nộp tờ khai lệ phí trước bạ chưa có trong Bảng giá tính lệ phí trước bạ do Bộ Tài chính ban hành thì Cục Thuế thực hiện áp dụng giá tính lệ phí trước bạ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định số 140/NĐ-CP ngày 10/10/2016 để làm căn cứ tính lệ phí trước bạ trong thời hạn một (01) ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ khai lệ phí trước bạ.

Trong thời hạn ba ngày (03) ngày làm việc kể từ thời điểm tài sản được đăng ký trước bạ, Cục thuế báo cáo Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) đề tập hợp ban hành giá tính lệ phí trước bạ bổ sung.

2. Hàng quý, Tổng cục Thuế có trách nhiệm cập nhật giá các loại ô tô, xe máy phát sinh mới vào hệ thống cơ sở dữ liệu để trình Bộ Tài chính ban hành bảng giá.

Trường hợp giá chuyên nhượng ô tô, xe máy thực tế trên thị trường có biến động tăng hoặc giảm 20% trở lên so với giá tính lệ phí trước bạ tại Bảng giá tính lệ phí trước bạ thì Tổng cục Thuế báo cáo Bộ Tài chính ban hành giá tính lệ phí trước bạ bổ sung đảm bảo giá tính lệ phí trước bạ sát với giá chuyên nhượng tài sản thực tế trên thị trường.

### **Chương III**

#### **CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ BẢNG GIÁ TÍNH LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ**

##### **Điều 8. Cơ sở dữ liệu về giá tính lệ phí trước bạ**

1. Cơ sở dữ liệu về giá tính lệ phí trước bạ là một cấu phần nằm trong cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

2. Cơ sở dữ liệu về giá tính lệ phí trước bạ gồm có:

a) Bảng giá tính lệ phí trước bạ do Bộ Tài chính ban hành;

b) Các thông tin tập hợp từ các nguồn liên quan đến xây dựng bảng giá tính LPTB ô tô, xe máy theo qui định tại Điều 9 Thông tư này.

##### **Điều 9. Nguồn thông tin phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu về giá tính lệ phí trước bạ**

1. Bảng giá tính lệ phí trước bạ ban hành kèm theo Thông tư quy định bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với các tài sản khác không phải là nhà, đất; các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

2. Các nguồn thông tin khác có liên quan theo qui định tại Điều 5 Thông tư 142/2015/TT-BTC ngày 04/09/2015 của Bộ Tài chính qui định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

##### **Điều 10. Khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về giá tính lệ phí trước bạ**

1. Các hình thức khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về giá tính lệ phí trước bạ:

- Qua mạng internet.

- Qua Cổng thông tin điện tử do cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá quy định.

2. Đối tượng khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về giá tính lệ phí trước bạ:

- Cơ quan có chức năng xây dựng, điều chỉnh, thẩm định bảng giá tính lệ phí trước bạ;

- Tổ chức, cá nhân khác (theo qui định tại Khoản 2, điều 10, Thông tư 142/2015/TT-BTC ngày 04/09/2015 của Bộ Tài chính qui định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá).

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH**

#### **Điều 11. Tổ chức thực hiện**

##### **1. Trách nhiệm của Tổng cục Thuế**

Bộ Tài chính giao Tổng cục Thuế làm đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan có trách nhiệm xây dựng, quản lý và vận hành Cơ sở dữ liệu về giá tính lệ phí trước bạ theo qui định tại Điều 8, 9, 10 Thông tư này và các qui định tại Thông tư số 142/2015/TT-BTC ngày 04/09/2015 của Bộ Tài chính qui định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

Việc thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu bằng hình thức tin học hóa phải tuân thủ các qui định về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT ban hành kèm theo Nghị định số 102/2009/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Kinh phí xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về giá tính lệ phí trước bạ thực hiện theo các qui định tại Điều 12, Thông tư 142/2015/TT-BTC ngày 04/09/2015 của Bộ Tài chính qui định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

##### **2. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan**

- Cục Quản lý giá, Cục Tin học và thống kê Tài chính-Bộ Tài chính và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm thực hiện các qui định tại Thông tư 142/2015/TT-BTC ngày 04/09/2015 của Bộ Tài chính qui định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá đối với Cơ sở dữ liệu giá tính lệ phí trước bạ.

- Tổng cục Hải quan có trách nhiệm phối hợp với Tổng cục Thuế xác định trị giá tính thuế hải quan theo quy định của Luật hải quan và các khoản thuế khâu nhập khẩu, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kết nối giữa Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan đảm bảo Bảng giá tính lệ phí trước bạ điều chỉnh, bổ sung được kịp thời, nhanh chóng đúng quy định.

- Cơ sở sản xuất kinh doanh ô tô, xe máy và các đại lý phân phối khi điều chỉnh giá bán lẻ hoặc phát sinh ô tô, xe máy mới có trách nhiệm gửi thông báo về Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) bằng văn bản hoặc theo phương thức điện tử trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế trong vòng ba (03) ngày kể từ thời điểm phát sinh.

#### **Điều 12. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký.

Bảng giá tính lệ phí trước bạ do Bộ Tài chính ban hành chính thức theo qui định tại Thông tư này được áp dụng cho các tài sản khai lệ phí trước bạ từ ngày 01/01/2017.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để được nghiên cứu giải quyết kịp thời./.